## BÀI 15: VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC (2 tiết)

**I.** CƠ SỞ HÌNH THÀNH

### 1. Điều kiện tự nhiên:

- Văn minh Văn Lang - Âu Lạc được hình thành trên lưu vực các **dòng sông lớn** ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay như **sông Hồng**, **sông Mã**, **sông Cả**.

- Khí hậu **nhiệt đới gió mùa**, nóng ẩm, nắng lắm, mưa nhiều, lượng nước ngọt dồi dào, cư dân sớm xuất hiện và định cư, là cơ sở để hình thành một trong những nền văn minh **lúa nước** đầu tiên của nhân loại.

- Khoáng sản **giàu có**: đồng, sắt, thiếc, chì,... là cơ sở cho sự ra đời sớm của các ngành thủ công nghiệp: luyện kim, chế tác đồ đồng, đồ sắt,...

**2. Cơ sở kinh tế - xã hội**

**2.1 Dân cư:**

- Chủ nhân là các nhóm **Nam Á** và Thái - Ka-đai dần hoà nhập, tạo nên cộng đồng người **Việt cổ**. Góp phần hình thành ý thức vế một dòng giống chung (con rồng cháu tiên).

- Văn hoá giàu **bản sắc**, **thống nhất** trong **đa dạng** (tiếng nói, nghề nông trồng lúa, phong tục, tập quán,...)

**2.2 Kinh tế:**

- Thời kỳ nền văn hóa **tiền Đông Sơ**n (Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun): Nền nông nghiệp trồng lúa nước từng bước **hình thành**. Nghề thủ công: làm đồ gốm, dệt lụa, đan lát, đặc biệt là luyện kim, rèn sắt, chế tác công cụ, vũ khí, nhạc cụ bằng đồng,...

- Thời kỳ phát triển của văn hóa **Đông Sơn** (cách ngày nay khoảng 2 800 năm):

+ Nền nông nghiệp lúa nước sử dụng **lưỡi cày đồng** và khả năng **trị thuỷ** cao đã đưa cư dân Việt cổ bước vào thời đại văn minh với nhiều thành tựu tiêu biểu, đó là nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền văn minh đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

+ Xã hội bước vào thời đại **kim khí**, kỹ thuật đúc đồng đạt đến mức **hoàn thiện** – Trồng đồng Đông Sơn.

**2.3 Xã hội:**

- Sản xuất phát triển là điểu kiện dẫn đến sự **chuyển biến** của xã hội từ thời kì nguyên thuỷ sang thời kì **văn minh**.

- Liên kết đấu tranh với **thiên nhiên** (bão lụt, hạn hán) và **xã hội** (giặc ngoại xâm) thành cộng đồng quốc gia, là cơ sở hình thành **nhà nước**.

**II.** THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU

1. Tổ chức nhà nước:

**BỘ (LẠC TƯỚNG)**

**CÔNG XÃ NÔNG THÔN**

**(BỒ CHÍNH)**

- Văn Lang là nhà nước đầu tiênở Việt Nam - tồn tại từ khoảng thế kỉ VII TCN đến năm 208 TCN do các **vua Hùng** đứng đầu, kinh đô đặt ở **Phong Châu** (nay thuộc Phú Thọ).

- Kế tiếp là nhà nước **Âu Lạc** (khoảng 208TCN -179TCN) do **An Dương Vương** đứng đẩu, kinh đô đặt ở Cổ Loa (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội).

- Lãnh thổ của Văn Lang - Âu Lạc tương ứng với phạm vi không gian của văn minh Văn Lang - Âu Lạc, trên khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay.

- Về tổ chức bộ máy nhà nước: mặc dù còn **sơ khai**, chưa có luật pháp,... nhưng tổ chức nhà nước đã có tính **hệ thống**: chia làm 3 cấp: đứng đầu là Hùng Vương, trong triều đình có các quan giúp việc là **Lạc Hầu**; quan Lạc Tướng cai quản 15 bộ địa phương; dưới Lạc Tướng là các quan **Bồ Chính** cai quản từng công xã nông thôn (làng, bản, chiềng, chạ).

**2. Đời sống vật chất:**

- Nghề nông trồng lúa nước và thuật luyện kim đã **phát triển**:

+ Nghề đúc đồng của người Việt cổ đạt trình độ cao, tiêu biểu như trống đồng, thạp đồng, trang sức bằng đồng,... Điển hình là trống đồng **Đông Sơn**.

+ Sự xuất hiện của **lưỡi cày đồng** - loại công cụ tiến bộ nhất lúc bấy giờ, đánh dấu bước nhảy vọt quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước của cư dân Văn Lang - Âu Lạc.

+ Chăn nuôi cũng phát triển hơn.

- Các ngành nghề thủ công khác và hoạt động **buôn bán** khá phồn thịnh:

+ Người Việt cổ từ trung du tiến xuống khai phá các vùng **châu thổ** các con sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (sông Hồng, sông Mã, sông Cả,...). Họ biết trồng dâu nuôi tằm, dệt tơ tằm, bông. Bên cạnh đó còn đánh bắt cá, tôm, trồng rau củ và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Trống đồng được đem trao đổi với một số nơi thuộc miền Nam Trung Hoa, Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam ngàỵ nay, thậm chí đến tận các vùng thuộc **Đông Nam Á** biển đảo.

🡺 Kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp nhưng phát triền với **quy mô** lớn hơn, **trình độ kĩ thuật** cao hơn.

- Người Việt cổ nấu nhiều món ăn phù hợp với **khí hậu**; sử dụng nhiều hương liệu, gia vị trong nấu ăn; làm đường, làm mật... **Gạo** là nguồn lương thực chính, được nấu bằng nồi gốm, nồi đồng hoặc ống tre, ống nứa. Người Việt cổ còn làm nhiều loại bánh, độc đáo nhất là **bánh chưng**, **bánh giày**, nguyên liệu đều là sản phẩm nông nghiệp, chứa đựng nhiều ý nghĩa về thế giới quan, nhân sinh quan, thể hiện đạo lí của người Việt.

- Người Việt có tục uống nước chè, ăn trầu, nhuộm răng, **xăm mình**,...

- Nữ mặc áo, váy; nam đóng khố; biết làm đẹp và sử dụng đồ trang sức,...

- Người Việt cổ sống định cư thành làng, xóm và làm **nhà sàn** để ở (nhà sàn có mái cong hình thuyền hoặc mái tròn hình mui thuyền).

- Phương tiện đi lại và vận chuyển phổ biến là **thuyền** và **xe** kéo bởi vật nuôi như trâu, bò, ngựa,...

**3. Đời sống tinh thần:**

- Nền văn học **truyền miệng** phát triển, với nhiều truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích kể về các vị thần, các nhân vật anh hùng, sự tích. Các truyện: Lạc Long Quân và Âu Cơ, Sơn Tinh - Thuỷ Tinh, Thánh Gióng Bánh chưng, bánh giày, Trầu cau,... là những viên ngọc quý trong kho tàng văn học thời **dựng nước**.

- Cư dân Việt cổ có tín ngưỡng thờ Mặt Trời, thờ vật tổ (chim Lạc, Giao long), sùng bái **tự nhiê**n, tín ngưỡng **phồn thực**, cầu cho mưa thuận gió hoà, mọi vật sinh sôi nảy nở.

- Người Việt cổ cũng thịnh hành tục **thờ cúng tổ tiên**; thờ Mẫu, thờ cúng những người có công dựng nước và giữ nước.

- Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc gắn liền với lễ hội, nhất là **hội mùa**.

## BÀI 18: VĂN MINH ĐẠI VIỆT (4 tiết)

**I.** CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

**1. Khái niệm văn minh Đại Việt**

***-* Văn minh Đại Việt là nền văn minh** rực rỡ**, tồn tại và phát triển chủ yếu trong thời** độc lập**,** tự chủ **của quốc gia Đại Việt, kéo dài gần 1.000 năm (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX).**

- Văn minh Đại Việt **kế thừa** văn minh Văn Lang - Âu Lạc, trải qua hơn một nghìn năm đấu tranh chống Bắc thuộc, được phát huy và phát triển trong hoàn cảnh đất nước độc lập, tự chủ thời Đại Việt với kinh đô Thăng Long, do đó còn được gọi là văn minh Thăng Long.

**2. Cơ sở hình thành**

**2.1 Kế thừa những thành tựu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc**

- Phong kiến phương Bắc chỉ thiết lập được bộ máy thống trị đến cấp huyện nhưng không khống chế được **làng xã** Việt, người Việt vẫn giữ được phong tục tập quán, văn hoá truyền thống, đặc biệt là **tiếng nói** vẫn được bảo tồn.

- Truyền thống **lao động** và **đấu tranh** hơn nghìn năm chống Bắc thuộc để bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc, văn minh Đại Việt từng bước hình thành.

- Lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh bền bỉ vì **độc lập dân tộc**, thể hiện qua hàng trăm cuộc khởi nghĩa song hành quá trình giữ gìn văn hoá dân tộc, chống Hán hoá và "**Việt hoá**" văn hoá Hán.

**2.2 Xây dựng và phát triển quốc gia Đại Việt độc lập, tự chủ từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX**

- Thế kỉ X gắn với sự nghiệp khôi phục nền tự chủ của các chính quyền họ Khúc, Dương, Ngô, Đinh, Tiền Lê.

- Hình thành và phát triển trên cơ sở **xây dựng** và **phát triển** quốc gia Đại Việt từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX, với sự trưởng thành của dân tộc trên nhiều phương diện: chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, nghệ thuật, an ninh quốc phòng,...

- Việc dời đô ra **Thăng Long**, đặt tên nước là **Đại Việt**,... là một bước tiến mới với sự phát triển mọi mặt của quốc gia Đại Việt; kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển tạo nên những sắc thái mới.

- Cương vực lãnh thổ được mở rộng, kéo dài từ **Nam Quan** đến **Cà Mau**, mở rộng từ đất liền ra biển đảo. Nền độc lập dân tộc được bảo vệ vững chắc qua nhiều cuộc kháng chiến oanh liệt chống ngoại xâm.

**2.3 Tiếp biến nhiều giá trị văn minh Trung Hoa, Ân Độ**

-Ý thức **dân tộc** ngày càng mạnh mẽ tạo điểu kiện cho sự tiếp biến nhiều giá trị từ văn minh Trung Hoa, đặc biệt là một bộ khung chính trị - hành chính - quân sự kiểu của văn minh Trung Hoa.

-Văn minh Ấn Độ đến Việt Nam qua ngả đường biển và ngả đường Tây Tạng - Vân Nam ảnh hưởng đến lưu vực sông Hồng. Điểm trội vượt là nếp sống tâm linh **Phật giáo**.

**3. Quá trình phát triển**

- Văn minh Đại Việt phát triển qua 3 giai đoạn:

- **Giai đoạn sơ kì** (thế kỉ X - đầu XI): Giai đoạn định hình những **giá trị** mới, làm nền tảng cho sự hình thành nền văn minh Đại Việt.

**- Giai đoạn phát triển** (đầu thế kỉ XI đến thế kỉ XVI): Gắn liền với văn hoá **Thăng Long** - trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá,... của cả nước. Đất nước đạt được nhiều **thành tựu** to lớn trên tất cả các mặt: tôn giáo, tín ngưỡng, giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân phát triển phong phú và đa dạng. Hình thành nền văn hóa Đại Việt mang đậm tính **dân tộc** và **dân gian**.

**- Giai đoạn muộn** (thế kỉ XVI - XIX): Là giai đoạn phát triển văn hóa trong bối cảnh đất nước có nhiều **biến động** về chính trị. Giai đoạn này nhiều yếu tố mới xuất hiện khi văn minh **phương Tây** du nhập vào, tạo nên xu hướng vận động mới làm tiền đề cho sự hình thành văn minh Việt Nam về sau. Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp giữa thế kỉ XIX, đã chấm dứt thời kì phát triển của văn minh Đại Việt.

**II. NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU**

**1. Thành tựu về kinh tế**

**1.1 Nông nghiệp**

- Nông nghiệp trồng **lúa nước** là ngành kinh tế chủ đạo, dùng **cày sắt** và sức kéo của trâu bò, thâm canh, trồng hai vụ lúa phổ biến. Nông nghiệp được nhà nước **quan tâm**: đặt chức quan chăm lo phát triển nông nghiệp; khôi phục lễ Tịch điển.

- Công cuộc **khẩn hoang** được chú trong, nhất là thời các chúa Nguyễn và triều Nguyễn.

**1.2 Thủ công nghiệp**

- Các nghề thủ công **cổ truyền** tiếp tục phát triển: dệt lụa, rèn sắt, đúc đồng, nhuộm,...

- Nhiều **nghề mới** ra đời: làm tranh sơn mài, làm đường, làm giây, khắc in bản gỗ,. ..

- Để lại nhiều thành tựu tiêu biểu, nổi bật là **An Nam tứ đại khí** (tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, tượng Phật chùa Quỳnh Lâm).

- Một số làng, phường thủ công chuyên nghiệp xuất hiện, đặc biệt trong **nghề dệt** và **nghề làm gốm** có kĩ thuật tinh xảo, được thương nhân nước ngoài ưa chuộng như Bát Tràng, Chu Đậu được xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á, Nhật Bản, phương Tâỵ.

- Nghề đóng tàu thuyền ra đời sớm và đạt trình độ cao.

**1.3 Thương nghiệp**

- Thời Lý - Trần đã phổ biến việc **đúc tiền** kim loại, thời nhà Hồ đã có **tiền giấy**.

- Chợ địa phương và phố buôn bán ra đời, trong đó kinh đô **Thăng Long** là trung tâm buôn bán sầm uất nhất.

- Nước ta sớm giao lưu, buôn bán với Trung Quốc và Đông Nam Á.

- Từ thế kỉ XVI mở rộng buôn bán với Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp,... ở các đô thị lớn thời kì này là Thăng Long, Phố Hiến, Thanh Hà, Hội An, Sài Gòn, Đồng Nai, Mỹ Tho, Hà Tiên.

**2. Thành tựu về chính trị**

**-** Nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tậpquyềntừng bước phát triển từ thế kỉ **XI** và đạt đến đỉnh cao, hoàn thiện từ thế kỉ **XV**.

- Hệ tư tưởng chủ đạo: **Phật giáo** (thế kỉ X – XIV) và **Nho giáo** (thế kỉ XV -XIX); tư tưởng **thân dân**.

**-** Nhà nước phong kiến Đại Việt đã lãnh đạo thành công nhiều cuộc kháng chiến chống xâm lược bảo vệ độc lập: chốngTống (thế kỉ X, XI), chống Mông - Nguyên (thế kỷ XIII, …)

- Về mặt luật pháp**:** Năm 1002, nhà Tiền Lê định luật lệ. Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ **Hình thư** (bộ luật thành văn đầu tiên của Đại Việt). Nhà Trần có bộ Hoàng triều đại điển và bộ **Hình luật**. Nhà Lê sơ ban hành bộ **Quốc triều hình luật** (Luật Hồng Đức). Nhà Nguyễn ban hành bộ **Hoàng Việt luật lệ** (Luật Gia Long).

- Luật Hồng Đức mang đậm tính **dân tộc**, có những điểm tiến bộ về mặt kĩ thuật lập pháp, được xem là bộ luật **tiến bộ** nhất thời phong kiến Việt Nam.

**3. Thành tựu về tư tưởng, tôn giáo**

**3.1 Tư tưởng yêu nước thương dân:** Phát triển theo hai xu hướng:

+ Dân tộc: Đề cao trung quân ái quốc, **đoàn kết** toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Thương dân: Gần dân, yêu dân (vua quan cùng nhân dân quan tâm đến mùa màng, sản xuất, chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc).

**3.2 Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và tổ tiên:** Tiếp tục phát triển.

+ Biểu hiện qua việc xây lăng, miếu, đền đài thờ tổ tiên, các vị anh hùng dân tộc, các Thành hoàng làng, các vị tổ nghề,....

+ Tạo nên tinh thần cởi mở, hoà đồng tôn giáo của người Việt, sẵn sàng **tiếp thu** ảnh hưởng các tôn giáo bên ngoài trên cơ sở **hoà nhập** với tín ngưỡng cổ truyền, tạo nên một nếp sống văn hoá rất **nhân văn**.

**3.3 Phật giáo:**

- Phát triển mạnh buổi đầu độc lập. Đến thời Lý – Trần trở thành **quốc giáo**.

- Từ thế kỷ XV, Phật giáo mất vai trò quốc giáo, song vẫn có sự phát triển mạnh mẽ, đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

**3.4 Đạo giáo:** Phổ biến trong **dân gian** và được các triều đại phong kiến coi trọng.

**3.5 Nho giáo:**

- Nho giáo dần phát triển cùng với sự phát triển của giáo dục và thi cử.

- Từ thế kỉ XI, nhà Lý xây dựng **Văn Miếu** thờ Khổng Tử

- Từ thế kỉ XV, Nho giáo giữ địa vị **độc tôn**, là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị để xây dựng nhà nước quân chủ trung ương tập quyền góp phần đào tạo đội ngũ **trí thức** và người **hiền tài** cho đất nước.

**🡺 Nho giáo, phật giáo và đạo giáo có sự hòa đồng, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của nhân dân.**

- Từ thế kỷ XVI, **Thiên chúa giáo** du nhập vào Việt Nam, tạo nên nét văn hóa mới trong các cộng đồng dân cư.

**4. Giáo dục và văn học**

**4.1 Giáo dục:**

**- Thời Lý – Trần:**

- Năm 1070: Nhà Lý xây dựng Văn Miếu đề thờ Khổng Tử.

- Năm 1075: Nhà Lý tổ chức khoa thi Nho học **đầu tiên** gọi lả Minh kinh bác học.

- Năm 1076: Thành lập **Quốc Tử Giám**.

- Năm 1247: kì thi **Tam khôi** đầu tiên được tổ chức.

- Năm 1374: Kì thi **Tiến sĩ** đầu tiên được tổ chức.

**- Thời Lê sơ:** nền giáo dục và thi cử ngày càng **quy củ**. Khoa cử trở thành phương thức chủ yếu để tuyển chọn **quan lại**

- Từ năm 1463: 3 năm một lần nhà Lê tổ chức thi Hội tại kinh thành, thi Hương tại địa phương.

- Từ năm 1484: Nhà Lê đặt lệ xướng danh và khắc tên các tiến sĩ vào bia đá ở **Văn Miếu**.

- Giáo dục Nho học đóng vai trò chủ yếu đào tạo **hiền tài** và nâng cao **dân trí**, như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du,...

**4.2 Chữ viết:**

- Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán, người Việt đã sáng tạo **chữ Nôm** để ghi tiếng nói dân tộc.

- Đến thế kỉ XVII, chữ **quốc ngữ** ra đời từ sự cải tiến bảng chữ cái Latin để ghi âm tiếng Việt và trở thành chữ viết **chính thức** của Việt Nam.

**4.3 Văn học:**

- **Văn học chữ Hán**:

+ Thể loại: Chủ yếu là thơ, phú, kịch.

+ Nội dung: thể hiện **lòng yêu nước** và niềm **tự hào dân tộc**.

+ Tiêu biểu: Chiếu dời đô (**Lý Thái Tổ**), Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt ?), Hịch tướng sĩ (**Trần Hưng Đạo**), Bình Ngô đại cáo (**Nguyễn Trãi**), … Từ thế kỷ XVIII, **văn xuôi** tự sự đạt thành tựu lớn: tiểu thuyết chương hồi Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái), truyện ký có Thượng kinh ký sự (Lê Hữu Trác), Vũ trung tùy bút (Phạm Đình Hổ).

- **Văn học chữ Nôm**:

+ Xuất hiện từ thế kỷ **XIII** và phát triển mạnh ở thế kỷ **XVI – XIX.**

+ Tiêu biểu: Văn tế cá sấu (Hàn Thuyên), Quốc âm thi tập (**Nguyễn Trãi**), Chinh phụ ngâm khúc (**Đặng Trần Côn**, bản dịch Đoàn Thị Điểm), Cung oán ngâm khúc (**Nguyễn Gia Thiều**), Truyện Kiều (Nguyễn Du), Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu), các tác phẩm thơ của Hồ Xuân Hương và Bà Huyện Thanh Quan.

**5. Khoa học**

**5.1 Sử học:**

- Nhà Trần thành lập Quốc sử viện.

- Nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quán.

- Nhiểu bộ sử lớn được biên soạn: Đại Việt sử ký (**Lê Văn Hưu**, thời Trần), Đại Việt Sử ký toàn thư (**Ngô Sĩ Liên**, thời Lê), Đại Nam thực lục (Quốc sử quán triều Nguyễn),...

**5.2 Địa lý học:**

Những công trình tiêu biểu có Dư địa chí (**Nguyễn Trãi**, thời Lê sơ), Hồng Đức bản đồ sách (thời **Lê Thánh Tông**), Đại Nam nhất thống chí (Quốc sử quán triều Nguyễn), Gia Định thành thông chí (**Trịnh Hoài Đức**, thời Nguyễn).

**5.3 Toán học:** Tiêu biểu là Lập thành toán pháp (**Vũ Hữu**), Toán pháp đại thành (hay Đại thành toán pháp), Khải minh toán học (**Lương Thế Vinh**),...

**5.4 Khoa học quân sự:**

- Vũ Khí:

+ Nhà Hồ chế tạo được súng **thần cơ**, thuyền chiến **có lầu**.

+ Nhà Tây Sơn chế tạo các loại đạn pháo, hỏa pháo, chiến thuyền gắn nhiều **đại bác**.

+ Nhà Nguyễn xây dựng thành quách kiên cố: kinh thành Huế, thành Hà Nội, thành Gia Định.

- Tư tưởng và nghệ thuật quân sự:

+ “Tiên phát chế nhân” của **Lý Thường Kiệt**.

+ “Phụ tử chi binh” của **Trần Quốc Tuấn**.

+ “Tâm công” của **Nguyễn Trãi**

- Khoa học quân sự:

+ Binh thư yếu lược (**Trần Hưng Đạo**).

+ Vạn kiếp tông bí truyền thư (**Trần Hưng Đạo**).

+ Hổ trướng khu cơ (**Đào Duy Từ**)

**6. Y học:**

- Việt dược thần hiệu, Hồng nghĩa giác tư y thư của **Tuệ Tĩnh**

- Y học yếu giải tập chú y biên của **Chu Văn An**.

- Châm cứu tiệp hiệu diễn ca của Nguyễn Đại Năng.

- Hải thượng y tông tâm tĩnh của **Lê Hữu Trác**.

**III. Ý NGHĨA CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM**

**1.** Ưu điểm và hạn chê của văn minh Đại Việt

**- Ưu điểm:**

Văn minh nông nghiệp **lúa nước** mang đậm **bản sắc dân tộc** với tinh thần chủ đạo là yêu nước, nhân ái, hoà hợp với tự nhiên, hoà hợp giữa người với người, giữa làng với nước.

**- Hạn chế:**

 - Chưa chú trọng phát triển các ngành khoa học kĩ thuật; thương nghiệp không được tạo điều kiện **phát triển**; yếu tố đô thị nhìn chung **mờ nhạt**.

- Sự tồn tại dai dẳng của **công xã nông th**ôn và gắn liền với nó là những **lệ làng** tạo nên tính thụ động, khép kín, thiếu tính đột phá, sáng tạo, tinh thần hội nhập,...

**2**. Ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam

- Những thành tựu của nền văn minh Đại Việt thể hiện một nền văn hoá rực rỡ; phong phú, toàn diện, độc đáo, khẳng định **bản sắc** của một dân tộc, một quốc gia **văn hiến**, **văn minh** ở khu vực Đông Nam Á và thế giới phương Đông.

- Văn minh Đại Việt thể hiện rỏ sự kết hợp những dòng văn hoá đã có khả năng **hội nhập** giữa bản địa với bên ngoài và bên ngoài hoà nhập vào nội địa.

**Bài 15 VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC *(SỐ CÂU 30)***

***a) Nhận biết***

**Câu 1:** Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là văn minh

**A.** Sông Hồng. **B.** Phù Nam. **C.** Sa Huỳnh. **D.** Trống đồng.

**Câu 2:** Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Việt cổ thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?

**A.** Khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ. **B.** Khu vực Trung bộ ngày nay.

**C.** Khu vực Nam bộ ngày nay. **D.** Cư trú rải rác trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

**Câu 3:** Kinh tế chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

**A.** săn bắn, hái lượm. **B.** nông nghiệp lúa nước.

**C.** thương nghiệp.          **D.** thủ công nghiệp.

**Câu 4:** Bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc được tổ chức theo 3 cấp từ trên xuống đứng đầu lần lượt là

**A.** Vua –Quan văn, quan võ – Lạc dân. **B.** Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Tù trưởng.

**C.** Vua – Qúy tộc, vương hầu – Bồ chính. **D.** Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Bồ chính.

**Câu 5:** Hiện vật nào sau đây tiêu biểu cho trình độ chế tác của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

**A.** Trống đồng Đông Sơn.           **B.** Tiền đồng Óc Eo.

**C.** Phù điêu Khương Mỹ. **D.** Tượng phật Đồng Dương.

**Câu 6:** Quốc gia đầu tiên trong lịch sử nước ta là

**A.** Văn Lang – Âu Lạc. **B.** Văn Lang. **C.** Tây Âu. **D.** Âu Lạc.

**Câu 7:** Quốc gia Văn Lang – Âu Lạc hình thành trên cơ sở của nền văn hóa cổ nào?

**A.** văn hóa Đồng Nai. **B.** văn hóa Đông Sơn.

**C.** văn hóa Sa Huỳnh. **D.** văn hóa Óc Eo.

**Câu 8:** Cư dân bản địa ở đồng Bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam thuộc nhóm người nào?

 A. Nam Á và Thái - Ka-đai. B. Mường và Mông - Dao.

 C. Nam Đảo và Mường. D. Mông Cổ và Mãn.

**Câu 9:** Kinh đô Văn Lang ở

**A.** Hoa Lư (Ninh Bình). **B.** Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ).

**C.** Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). **D.** Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh).

**Câu 10:** Kinh đô Âu Lạc ở

**A.** Hoa Lư (Ninh Bình). **B.** Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ).

**C.** Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). **D.** Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh).

**Câu 11:** Nước Văn Lang chia làm 15 bộ, đứng đầu mỗi bộ là

 **A.** Lạc hầu. **B.** Lạc tướng **C.** Bồ chính. **D.** Quan lang.

**Câu 12:** Trong xã hội quốc gia Văn Lang – Âu Lạc có các tầng lớp nào ?

**A.** Vua, quan lại, tăng lữ. **B.** Vua, quý tộc, dân tự do, nô tì.

**C.** Vua, quan lại, nô tì. **D.** Vua, địa chủ, nông nô.

**Câu 13:** Văn minh Văn Lang - Âu Lạc **không** được hình thành trên lưu vực của dòng sông nào? A. Sông Cả. B. Sông Mã. C. Sông Hồng. D. Sông Lam.

***b) Thông hiểu***

**Câu 14:** Người Việt cổ **không**có phong tục nào dưới đây?

A. Ăn trầu. B. Xăm mình.

C. Làm bánh chưng, bánh dày. D. Lì xì cho trẻ em vào dịp Tết.

**Câu 15:** Điều kiện dẫn đến sự hình thành quốc gia Văn Lang – Âu Lạc là gì ?

 **A.** Chống giặc ngoại xâm, quản lý xã hội.

 **B.** Trị thủy, phân chia giai cấp, chống giặc ngoại xâm.

 **C.** Trị thủy, phân chia giai cấp, thống nhất quốc gia.

 **D.** Trị thủy, phân chia giai cấp, mở rộng lãnh thổ.

**Câu 16:** Văn minh Văn Lang - Âu Lạc **không**có cội nguồn là nền văn hóa nào sau đây?

A. Văn hóa Óc Eo. B. Văn Hóa Phùng Nguyên.

C. Văn hóa Đồng Đậu. D. Văn hóa Gò Mun.

**Câu 17:** Phong tục nào sau đây **không**phải là phong tục truyền thống của người Việt cổ?

A. Thờ Chúa. B. Ăn trầu. C. Nhuộm răng. D. Xăm mình.

**Câu 18:** Văn học thời kì Văn Lang - Âu Lạc là nền văn học

A. chữ viết. B. chữ Hán. C. truyền miệng. D. chữ Quốc ngữ.

**Câu 19:** Người Việt cổ **không**có tín ngưỡng nào sau đây?

A. Thờ cúng tổ tiên. B. Thờ Đức Phật.

C. Sùng bái tự nhiên. D. Tín ngưỡng phồn thực.

**Câu 20:** Trong đời sống thường ngày, nam giới người Việt cổ mặc trang phục như thế nào?

A. Mặc áo ngắn, đóng khố, đi guốc mộc. B. Mặc áo the, đội khăn xếp, đi guốc mộc.

C. Đóng khố, để mình trần, đi chân đất. D. Đóng khố, đi dép làm từ mo cau.

**Câu 21:** Loại hình nhà ở phổ biến của người Việt cổ là

A. nhà tranh vách đất. B. nhà mái bằng xây từ gạch.

C. nhà trệt xây từ gạch. D. nhà sàn làm từ gỗ, tre, nứa.

***c) Vận dụng***

**Câu 22:** Nội dung nào dưới đây **không**phản ánh đúng cơ sở về điều kiện tự nhiên dẫn đến sự hình thành của văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

A. Phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Đông giáp biển.

B. Có nhiều sông lớn, đồng bằng màu mỡ.

C. Nguồn tài nguyên khoáng sản nghèo nàn.

D. Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 23:** Nội dung nào dưới đây **không**phản ánh đúng đời sống vật chất của cư dân Việt cổ?

A. Nguồn lương thực chủ yếu là gạo nếp, gạo tẻ.

B. Lấy thương mại đường biển làm nguồn sống chính.

C. Nhà ở phổ biến là kiểu nhà sàn từ gỗ, tre, nứa,…

D. Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là thuyền, bè.

**Câu 24:** Nội dung nào sau đây **không**phải là cơ sở tự nhiên dẫn tới sự hình thành của văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

 A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. B. Giàu có về khoáng sản.

 C. Hệ thống sông ngòi dày đặc. D. Đất đai khô cằn, khó canh tác.

**Câu 25:** Nội dung nào dưới đây mô tả **không đúng**bộ máy nhà nước thời Văn Lang?

A. Đứng đầu đất nước là Vua Hùng. B. Lạc tướng đứng đầu các bộ.

C. Cả nước được chia làm 30 bộ. D. Bồ chính cai quản các chiềng, chạ.

**Câu 26:** Nội dung nào sau đây **không đúng** khi nói về nhà nước Âu Lạc?

A. Có vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố. B. Kinh đô đóng tại Cổ Loa.

C. Lãnh thổ thu hẹp hơn so với Văn Lang. D. Đứng đầu nhà nước là An Dương Vương.

**Câu 27:** Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố sau?

Vua nào công đức lưu danh,

Dựng nước Âu Lạc, xây thành Cổ Loa?

A. An Dương Vương. B. Hùng vương. C. Lý Nam Đế. D. Triệu Việt Vương.

**Câu 28:** Nội dung nào sau đây mô tả**đúng**về nhà nước Văn Lang?

A. Có vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố. B. Kinh đô đóng tại vùng Phong Khê.

C. Chưa có quân đội và chữ viết. D. Đứng đầu nhà nước là An Dương Vương.

**Câu 29:** Sự giàu có về khoáng sản là cơ sở cho sự ra đời sớm của ngành kinh tế nào ở các quốc gia Văn Lang - Âu Lạc?

A. Nông nghiệp. B. Thương nghiệp. C. Thủ công nghiệp. D. Công nghiệp.

**Câu 30.** Một trong những tín ngưỡng phổ biến của cư dân Văn Lang – Âu Lạc vẫn còn lưu giữ đến ngày nay là gì?

**A.** Thờ thần Mặt Trời. **B.** Thờ cúng tổ tiên. **C.** Sùng bái tự nhiên. **D.** Thờ thần Núi.

**Bài 18: VĂN MINH ĐẠI VIỆT *(SỐ CÂU 30)***

***a) Nhận biết***

**Câu 1:** Dưới triều đại nhà Lê (thế kỉ XV), bộ luật thành văn nào sau đây được ban hành?

 **A.** Hình luật. **B.** Hình thư.

 **C.** Quốc triều hình luật. **D.** Hoàng Việt luật lệ.

**Câu 2:** Triều đại nào mở đầu cho thời đại phong kiến độc lập của dân tộc ta?

 **A.** Triều Tiền Lý. **B.** Triều Ngô. **C.** Triều Lê. **D.** Triều Nguyễn.

**Câu 3:** Các nhà nước phong kiến Việt Nam được xây dựng theo thể chế

 **A.** Quân chủ lập hiến. **B.** Chiếm hữu nô lệ.

 **C.** Dân chủ chủ nô. **D.** Quân chủ chuyên chế.

**Câu 4:** Bộ máy nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền của Đại Việt được hoàn chỉnh dưới triều đại nào?

 **A.** Thời Lý. **B.** Thời Trần. **C.** Thời Lê sơ. **D.** Thời Hồ.

**Câu 5:** Việc nhà Lý cho xây dựng đàn Xã Tắc ở Thăng Long mang ý nghĩa nào sau đây?

 **A.** Nhà nước coi trọng sản xuất nông nghiệp.

 **B.** Nhà nước coi trọng bảo vệ độc lập dân tộc.

 **C.** Cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân dân ta.

 **D.** Khuyến khích nhân dân phát triển thương nghiệp.

**Câu 6:** Các xưởng thủ công của nhà nước dưới các triều đại phong kiến Việt Nam còn được gọi là

 **A.** Cục bách tác. **B.** Quốc sử quán. **C.** Quốc tử giám. **D.** Hàn lâm viện.

**Câu 7:** Trung tâm chính trị - văn hóa và đô thị lớn nhất Đại Việt trong các thế kỷ X-XV là

 **A.** Phố Hiến. **B.** Thanh Hà. **C.** Thăng Long. **D.** Hội An.

**Câu 8:** Năm 1149, để đẩy mạnh phát triển ngoại thương nhà Lý đã có chủ trương gì?

 **A.** Phát triển Thăng Long với 36 phố phường.

 **B.** Xây dựng cảng Vân Đồn (Quảng Ninh).

 **C.** Cho phát triển các chợ làng, chợ huyện.

 **D.** Xây dựng một số địa điểm trao đổi hàng hóa ở biên giới.

**Câu 9:** “Tam giáo đồng nguyên” là sự hòa hợp của của các tôn giáo nào sau đây?

**A.** Phật giáo - Đạo giáo - Nho giáo. **B.** Phật giáo - Nho giáo - Thiên Chúa giáo.

**C.** Nho giáo - Phật giáo - Ấn Độ giáo. **D.** Phật giáo - Đạo giáo - Tín ngưỡng dân gian.

**Câu 10:** Hai loại hình văn học chính của Đại Việt dưới các triều đại phong kiến gồm

**A.** văn học nhà nước và văn học dân gian. **B.** văn học viết và văn học truyền miệng.

**C.** văn học nhà nước và văn học tự do. **D.** văn học dân gian và văn học viết.

**Câu 11:** Chữ Nôm trở thành chữ viết chính thống dưới triều đại phong kiến nào của nước ta?

**A.** Nhà Lý. **B.** Nhà Trần. **C.** Lê sơ. **D.** Tây Sơn.

**Câu 12:** Việc cho dựng bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử giám thể hiện chính sách nào sau đây của các triều đại phong kiến Việt Nam?

**A.** Nhà nước coi trọng giáo dục, khoa cử.

**B.** Ghi danh những anh hùng có công với nước.

**C.** Ghi lại tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

**D.** Đề cao vai trò của sản xuất nông nghiệp.

***b) Thông hiểu***

**Câu 13:** Nội dung nào sau đây không phải là cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt?

 **A.** Có cội nguồn từ các nền văn minh cổ xưa trên đất nước Việt Nam.

 **B.** Tiếp thu chọn lọc từ thành tựu của các nền văn minh bên ngoài.

 **C.** Nho giáo là tư tưởng chính thống trong suốt các triều đại phong kiến.

 **D.** Trải qua quá trình đấu tranh, củng cố độc lập dân tộc của quân và dân ta.

**Câu 14:** Nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách của nhà nước phong kiến Đại Việt trong khuyến khích nông nghiệp phát triển?

 **A.** Tách thủ công nghiệp thành một ngành độc lập.

 **B.** Khuyến khích khai hoang, mở rộng diện tích đất canh tác.

 **C.** Tổ chức nghi lễ cày ruộng tịch điền khuyến khích sản xuất.

 **D.** Nhà nước quan tâm trị thủy, bảo vệ sức kéo nông nghiệp.

**Câu 16:** Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** vai trò của “Quan xưởng” trong thủ công nghiệp nhà nước?

 **A.** Tạo ra sản phẩm chất lượng cao để trao đổi buôn bán trong và ngoài nước.

 **B.** Huy động lực lượng thợ thủ công tay nghề cao phục vụ chế tác, buôn bán.

 **C.** Tạo ra sản phẩm chất lượng cao phục vụ nhu cầu của triều đình phong kiến.

 **D.** Tạo ra các hình mẫu hỗ trợ thủ công nghiệp cả nước phát triển.

**Câu 17:** Đặc điểm của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX là

**A.** Văn học chữ Hán phát triển hơn văn học chữ Nôm.

**B.** Văn học chữ Nôm phát triển lấn át văn học chữ Hán.

**C.** Văn học chữ Hán và chữ Nôm suy tàn.

**D.** Phát triển văn học viết bằng chữ Quốc Ngữ.

**Câu 18:** Dưới triều đại phong kiến nhà Lê ( thể kỉ XV), nhà nước cho dựng Bia ghi danh tiến sĩ **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

**A.** Khuyến khích nhân tài. **B.** Vinh danh hiền tài.

**C.** Đề cao vai trò của nhà vua. **D.** Răn đe hiền tài.

**Câu 19:** Văn học chữ Nôm ra đời có ý nghĩa nào sau đây?

**A.** Thể hiện sự phát triển của văn minh Đại Việt thời Lý-Trần.

**B.** Vai trò của việc tiếp thu văn hóa Ấn Độ vào Đại Việt.

**C.** Thể hiện sự sáng tạo, tiếp biến văn hóa của người Việt.

**D.** Ảnh hưởng của việc truyền bá Công giáo vào Việt Nam.

**Câu 20:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu của nông nghiệp Việt Nam thời phong kiến?

**A.** Cải thiện kỹ thuật thâm canh lúa nước.

**B.** Mở rộng diện tích canh tác bằng nhiều biện pháp.

**C.** Du nhập và cải tạo các giống cây từ bên ngoài.

**D.** Sản phẩm nông nghiệp nâng lên hàng đầu khu vực.

**Câu 21:** Nội dung nào sau đây là một trong những cơ sở của việc hình thành nền văn minh Đại Viêt là

**A.** Có cội nguồn từ các nền văn minh lâu đời tồn tại trên đất nước Việt Nam.

**B.** Hình thành từ việc lưu truyền các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

**C.** Có nguồn gốc từ việc tiếp thu hoàn toàn văn minh bên ngoài.

**D.** Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Trung Hoa qua ngàn năm Bắc thuộc.

***c) Vận dụng***

**Câu 22:** Nhận xét nào sau đây là **không** đúng khi nói về tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến thời Đinh-Tiền lê?

 **A.** Tổ chức theo mô hình quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

 **B.** Bộ máy nhà nước được hoàn thiện, chặt chẽ, tính chuyên chế cao.

 **C.** Đặt cơ sở cho sự hoàn chỉnh bộ máy nhà nước ở giai đoạn sau.

 **D.** Tổ chức còn đơn giản nhưng đã thể hiện ý thức độc lập, tự chủ.

**Câu 23:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa sự ra đời các làng nghề thủ công truyền thống ở Đại Việt?

 **A.** Nâng cao năng lực cạnh tranh với các xưởng thủ công của nhà nước.

 **B.** Sản xuất được chuyên môn hóa, sản phẩm có chất lượng cao hơn.

 **C.** Sản phẩm mang nét độc đáo, gây dựng thành thương hiệu nổi tiếng.

 **D.** Góp phần quan trọng thúc đẩy thương nghiệp phát triển.

**Câu 24:** Nhận xét nào sau đây là **đúng** khi nói về hạn chế của văn minh Đại Việt?

**A.** Xuất phát từ nghề nông lúa nước nên chỉ chú trọng phát triển nông nghiệp.

**B.** Không khuyến khích thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển.

**C.** Chỉ đề cao vị thế của Nho giáo nhằm giữ vững kỷ cương, ổn định xã hội.

**D.** Việc phát minh khoa học-kỹ thuật không được chú trọng phát triển.

**Câu 26:** Cải cách hành chính của vua Minh Mạng (1831 – 1832) và vua Lê Thánh Tông (vào những năm 60 của thế kỷ XV) có điểm chung là

**A.** đều chia nước ta thành nhiều tỉnh để thuận lợi trong việc quản lý.

**B.** nhằm củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế.

**C.** không lập Hoàng hậu và không phong tước Vương cho người ngoài họ.

**D.** bãi bỏ cấp trung gian, không lập Tể tướng và không lấy đỗ Trạng nguyên.

**Câu 27:** Trong tiến trình phát triển của lịch sử của dân tộc Việt Nam, nền văn minh Đại Việt **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

**A.** Thể hiện tinh thần quật khởi và sức lao động sáng tạo, bền bỉ của nhân dân.

**B.** Chứng minh sự phát triển vượt bậc của dân tộc Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.

**C.** Góp phần to lớn tạo nên sức mạnh dân tộc chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập.

**D.** Là nền tảng để dân tộc Việt Nam sánh ngang với các cường quốc trên thế giới.

**Câu 28:** Nhận xét nào sau đây là **đúng** khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

**A.** Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, phong phú, mang đậm tính dân tộc.

**B.** Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, lâu đời và có tính dân chủ.

**C.** Là sự kết hợp hoàn toàn giữa văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ.

**D.** Thiết chế chính trị của các triều đại phong kiến Đại Việt được đều mang tính dân chủ.

**Câu 29:** Việc đề cao Nho giáo của các nhà nước phong kiến Đại Việt đã **không** dẫn đến hệ quả nào dưới đây?

**A.** Giữ ổn định trật tự kỷ cương của nhà nước phong kiến.

**B.** Tạo ra sự bảo thủ, chậm cải cách trước những biến đổi xã hội.

**C.** Nguy cơ tụt hậu, đứng trước sự xâm lược của thực dân phương Tây.

**D.** Tạo điều kiện giao lưu giữa các tôn giáo làm đậm đà bản sắc dân tộc.

**Câu 30:** Nhận xét nào sau đâylà **đúng** khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

**A.** Văn minh Đại Việt không có nguồn gốc bản địa mà du nhập từ bên ngoài vào.

**B.** là nền văn minh nông nghiệp lúa nước gắn với văn hóa làng xã.

**C.** Là nền văn minh phát triển rực rỡ nhất khu vực Đông Nam Á.

**D.** Trong kỷ nguyên Đại Việt, mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa đều phát triển.